

Số: 202/2017/DS-ST

Ngày: 19-7-2017

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Tố Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đỗ Thị A

2. Bà Vũ Thị Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Sương- Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phan Trần Vĩnh Phúc - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 18 và 19 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 58/2017/TLST-DSST ngày 03 tháng 3 năm 2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2017/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 6 năm 2017; Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2017/QĐST-DS ngày 20/6/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần X

Địa chỉ: Tầng C tòa nhà V số N đường L, phường B, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn Q- Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Trường S- Giám đốc Phòng giao dịch B, chi nhánh Quận x, Thành phố Hồ Chí Minh, (có mặt).

(Theo văn bản ủy quyền số 76/2017/EIB-Q11 ngày 30/5/2017 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần X.

Địa chỉ: 31-33 đường Âu Cơ, Phường 14, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Đỗ Thị Kim G (vắng mặt)

Địa chỉ: 88 đường Đồng Nai, Phường 15, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/02/2017 của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần X có ông Vũ Trường S đại diện trình bày: ngày 10/02/2015 Ngân hàng Thương mại Cổ phần X với bà Đỗ Thị Kim G ký Giấy đề nghị phát hành kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế (Visa Platinum) theo hình thức miễn bảo đảm tín dụng (tín chấp), hạn mức tín dụng tối đa là 200.000.000 đồng. Theo đó ngày 12/02/2015 Ngân hàng Thương mại Cổ phần X phát hành thẻ tín dụng quốc tế (Visa Platinum) cho bà Đỗ Thị Kim G, số thẻ 4696556789891126 (giấy xác nhận đã nhận thẻ ngày 12/02/2015).

Quá trình sử dụng, chủ thẻ bà G đã dùng thẻ để rút tiền mặt, thanh toán tiền mua hàng hóa và các khoản phí phát sinh (tạm tính đến 06/02/2017, ngày khóa thẻ đối với bà Giao) với số tiền cụ thể:

Nợ gốc là 1.236.423.950 đồng.

Nợ lãi và các khoản phí là 101.282.311 đồng.

Tổng số tiền nợ là 1.358.322.214 đồng.

Số tiền bà G đã thanh toán cho Ngân hàng là 1.057.352.894 đồng.

Số tiền bà G còn nợ lại là 300.969.320 (gồm nợ gốc là 199.687.009 đồng; nợ lãi và các khoản phí là 101.282.311 đồng).

Bị đơn bà Đỗ Thị Kim G vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án tiến hành tố tụng nên không có lời khai.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Ngân hàng Thương mại Cổ phần X yêu cầu bà G phải thanh toán số tiền còn nợ lại là 394.492.105 đồng, trong đó nợ gốc: 199.687.009 đồng, nợ lãi và các khoản phí là 194.805.096 đồng (gồm lãi (phí tài chính) là 80.746.539 đồng, phí thanh toán trễ hạn là 95.996.420 đồng, phí vượt hạn mức là 16.062.137 đồng, phí thường niên là 2.000.000 đồng).

Lãi, phí được tiếp tục tính kể từ ngày 19/7/2017 cho đến khi bà Đỗ Thị Kim G thanh toán xong nợ, theo mức lãi suất và mức phí quy định trong Giấy đề nghị phát hành kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 10/02/2015 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần X

NHẬN ĐỊNH:

Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án, quan hệ pháp luật và tư cách tham gia tố tụng của đương sự: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần X yêu cầu bị đơn bà Đỗ Thị Kim G trả số tiền nợ thẻ còn thiếu, có cơ sở xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là “tranh chấp về hợp vay tài sản”. Do bị đơn bà Đỗ Thị Kim G cư trú tại Quận 10, căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Xét văn bản ủy quyền số 76/2017/EIB-Q11 ngày 30/5/2017 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần X là ủy quyền hợp lệ, nên ông Vũ Trường S có đủ tư cách đại diện nguyên đơn tham gia tố tụng tại Tòa án.

Xét, bị đơn bà Đỗ Thị Kim G đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và triệu tập họp lần thứ hai nhưng bị đơn vẫn vắng mặt mà không có người đại diện tham gia

phiên tòa và không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn bà Đỗ Thị Kim G.

Xét yêu cầu của nguyên đơn:

Căn cứ Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 10/02/2015 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần X thì chủ thẻ bà Đỗ Thị Kim G cam kết sử dụng thẻ theo đúng quy định của pháp luật và hợp đồng với Ngân hàng, chịu mọi trách nhiệm đối với những nghĩa vụ và trách nhiệm có liên quan đến việc sử dụng thẻ được Ngân hàng cấp. Theo đó bà G phải thanh toán cho Ngân hàng số nợ gốc và các khoản lãi, phí nếu không thanh toán đúng hạn cho Ngân hàng.

Xét, tại các bản sao kê do Ngân hàng cung cấp, thể hiện chủ thẻ bà G đã sử dụng thẻ tín dụng nói trên để rút tiền mặt, thanh toán tiền mua hàng hóa và các khoản phí phát sinh tính từ ngày Ngân hàng phát hành thẻ (12/02/2015) đến ngày 06/02/2016 (ngày Ngân hàng khóa thẻ) với số tiền nợ gốc là 199.687.009 đồng, nợ lãi và các khoản phí là 101.282.311 đồng (gồm lãi (phí tài chính) là 48.375.139 đồng, phí thanh toán trễ hạn là 46.215.971 đồng, phí vượt hạn mức là 5.691.201 đồng, phí thường niên là 1.000.000 đồng).

Như vậy tính từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho đến ngày xét xử sơ thẩm 18/7/2017 chủ thẻ bà G còn nợ lại số tiền là 394.492.105 đồng, trong đó nợ gốc: 199.687.009 đồng, nợ lãi và các khoản phí là 194.805.096 đồng (gồm lãi (phí tài chính) là 80.746.539 đồng, phí thanh toán trễ hạn là 95.996.420 đồng, phí vượt hạn mức là 16.062.137 đồng, phí thường niên là 2.000.000 đồng).

Xét yêu cầu tính lãi và phí đối với bị đơn:

Căn cứ Thông báo điều chỉnh biểu phí lãi suất số 4454/2014/EIB/TB- TTT ngày 08/09/2014 hiệu lực ngày 22/08/2014 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần X, thì phí tài chính (lãi vay) là 1.5%/tháng, phí trễ hạn thanh toán là 3%/ số tiền thanh toán tối thiểu là 50.000 đồng, phí sử dụng vượt hạn mức là 15%/năm/số tiền vượt hạn mức. Và thông báo điều chỉnh biểu phí lãi suất số 637/2016/EIB/TB-TTT ngày 13/04/2016 hiệu lực ngày 29/04/2016 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần X thì đối với loại thẻ tín dụng quốc tế mà bà G đang sử dụng thì phí tài chính (lãi vay) là 19.2%/năm (1.6%/tháng) là phù hợp với quy định “Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác” tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, và Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên bà G phải chịu các khoản phí và lãi nói trên theo quy định.

Án phí dân sự sơ thẩm, do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại Điều 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 91, Điều 98 của Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2010;

- Áp dụng khoản 1 Điều 468, Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Buộc bà Nguyễn Thị Kim G có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần X số tiền là 394.492.105 đồng, trong đó nợ gốc: 199.687.009 đồng, nợ lãi và các loại phí là 194.805.096 đồng.

Tiền lãi sẽ được tiếp tục tính từ ngày 19/7/2017 cho đến khi bà Đỗ Thị Kim G thanh toán xong nợ, theo mức lãi suất và mức phí quy định trong Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 10/02/2015 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần X

Thi hành ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, tại Cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

Án phí dân sự sơ thẩm là 19.724.605 đồng, bà Nguyễn Thị Kim G phải chịu.

Trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần X số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.524.233 đồng, theo biên lai thu tiền số 0001042 ngày 01/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, tính từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.10;
- Chi cục THADS Q.10;
- Đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Tố Nhân